

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 193/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2025

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Quang Chung.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 036190005489; nơi thường trú: Số C H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số G L, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 036086006914; nơi thường trú: Số C H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (hiện đang chấp hành án tại: Đội 20, phân trại số D, Trại giam N1 – Bộ C); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 25-3-2025 và bản tự khai ngày 27-3-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Trần Tuấn A có thời gian tìm hiểu trong khoảng 02 năm. Sau đó hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V (nay là phường V), thành phố N vào ngày 02-01-2014.

Sau khi kết hôn, chị và anh Trần Tuấn A chung sống tại: Số C H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12-2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Tuấn A chơi bời, không chăm lo cho vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, bàn bạc để khắc phục tình trạng gia đình nhưng anh Q không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài. Vào tháng 8-2024 anh Trần Tuấn A có hành vi vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại: Đội 20, phân trại số D, Trại giam N1. Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng và không thể khắc phục, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Trần Tuấn A ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Trần Tuấn A có 02 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 14-4-2015 và Trần Anh N, sinh ngày 20-01-2019. Hiện tại hai con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh Trần Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 09-4-2024, bị đơn là anh Trần Tuấn A trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thu T sau thời gian tìm hiểu và đã kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V (nay là phường V), thành phố N vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện giữa hai bên.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, chị Trần Thị Thu T có nguyện vọng xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị Thu T có 02 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 14-4-2015 và Trần Anh N, sinh ngày 20-01-2019. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đồng ý để chị Trần Thị Thu T là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh nhất trí với quan điểm của chị Trần Thị Thu T không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản ghi nguyện vọng của con chung ngày 27-3-2025, cháu Trần Hà M đã trình bày nguyện vọng: Trong trường hợp Tòa án xử lý hôn cho bố mẹ cháu thì cháu muốn được ở với mẹ cháu là Trần Thị Thu T.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 14-4-2015 và Trần Anh N, sinh ngày 20-01-2019. Anh Trần Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Buộc chị Trần Thị Thu T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Trần Tuấn A, giải quyết về người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Trần Tuấn A không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là anh Trần Tuấn A có đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số C H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định, hiện đang chấp hành án tại: Đội 20, phân trại số D, Trại giam N1 – Bộ C. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu T và bị đơn là anh Trần Tuấn A đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A có thời gian tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, sau đó đã tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện. Hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 02-01-2014. Như vậy, hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A chung sống tại địa chỉ: Số C H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường cho đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, bất đồng về quan điểm. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để khắc phục tình cảm vợ chồng. Hiện tại, chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung:

Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A có 02 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 14-4-2015 và Trần Anh N, sinh ngày 20-01-2019. Xét thấy chị Trần Thị Thu T đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và có đủ điều kiện để nuôi con; anh Trần Tuấn A đang chấp hành án và cũng có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử giao cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 14-4-2015 và Trần Anh N, sinh ngày 20-01-2019.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Xét thấy việc chị Trần Thị Thu T không yêu cầu anh Trần Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Trần Thị Thu T là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Hà M, sinh ngày 14-4-2015 (giới tính: Nữ) và Trần Anh N, sinh ngày 20-01-2019 (giới tính: Nam).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thu T không yêu cầu anh Trần Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí:

Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Thu T đã nộp tại biên lai số 0002684 ngày 25-3-2025 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định. Chị Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Thu T và anh Trần Tuấn A có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
 - VKSND tỉnh Nam Định;
 - VKSND thành phố Nam Định;
 - Chi cục THADS TP. Nam Định;
 - UBND P. Vị Xuyên, TP. Nam Định;
- (ĐKKH số 01 ngày 02-01-2014)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.